



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Xây dựng cầu 75 do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324829 ngày 30/9/2010 với Vốn điều lệ là 10.492.714.912 đồng. Công ty được cổ phần hóa chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 1468/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2013 của Bộ Giao thông Vận tải. Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 13 ngày 28/07/2023.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324829 lần thứ 13 ngày 28/07/2023 với vốn điều lệ là 87.663.340.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi bảy tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75.**

Trụ sở chính: Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Ngọc Ký

Chủ tịch

Ông Lê Anh Tuấn

Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 12/10/2023)

Ông Nguyễn Văn Phú

Phó Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 12/10/2023)

Ông Nguyễn Quốc Cường

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/10/2023)

Ông Đặng Đình Đầu

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/10/2023)

Ông Phùng Văn Tình

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lương Thị Minh Tuyết

Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 12/10/2023)

Ông Đặng Đình Đầu

Trưởng Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 12/10/2023)

Ông Nguyễn Văn Nghi

Phó Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 12/10/2023)

Bà Nguyễn Thị Nhiên

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Ngọc Lan

Thành viên Ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 12/10/2023)

Ban Giám đốc

Ông Phùng Văn Tình

Giám đốc

Ông Trần Đình Thanh

Phó Giám đốc

Ông Lương Đức Bằng

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Cường

Phó Giám đốc

Ông Võ Văn Cao

Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,


GIÁM ĐỐC
Phùng Văn Tĩnh

Phùng Văn Tĩnh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 170/2024/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75, được lập ngày 25/3/2024, từ trang 06 đến trang 34 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Tiến
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		761.451.957.974	663.818.679.989
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	213.403.719.795	209.028.890.133
1. Tiền	111		104.403.719.795	196.028.890.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		109.000.000.000	13.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.423.034.153	275.298.444.416
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	286.835.300.746	274.148.319.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	180.641.491.059	95.543.187.801
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.076.166.413	3.225.004.085
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	13.544.863.667	12.188.455.742
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(112.674.787.732)	(109.806.522.668)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	157.988.637.847	159.121.890.334
1. Hàng tồn kho	141		157.988.637.847	159.121.890.334
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.636.566.179	20.369.455.106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4.803.154.499	8.413.508.505
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.994.194.759	10.116.729.680
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	1.839.216.921	1.839.216.921
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		52.530.122.869	29.041.303.283
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.777.722.384	3.798.099.441
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	2.777.722.384	3.798.099.441
II. Tài sản cố định	220		27.830.727.999	22.724.605.646
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	27.830.727.999	22.724.605.646
- Nguyên giá	222		114.681.201.410	107.236.067.124
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.850.473.411)	(84.511.461.478)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		642.872.356	642.872.356
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	642.872.356	642.872.356
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.278.800.130	1.875.725.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	21.278.800.130	1.875.725.840
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		813.982.080.843	692.859.983.272

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		702.034.934.217	587.288.203.625
I. Nợ ngắn hạn	310		702.024.934.217	587.061.318.385
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	196.439.997.409	161.075.346.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	444.552.880.072	363.326.301.639
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.747.530.135	5.584.834.290
4. Phải trả người lao động	314		7.736.511.925	5.686.373.858
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	7.309.932.439	7.309.932.439
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		24.016.795.225	24.016.795.225
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	13.826.587.192	16.921.407.005
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	92.950.812	1.740.428.657
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.301.749.008	1.399.899.008
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000	226.885.240
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	10.000.000	10.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	216.885.240
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		111.947.146.626	105.571.779.647
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	111.947.146.626	105.571.779.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		87.663.340.000	87.663.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		87.663.340.000	87.663.340.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		273.545.000	273.545.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		373.712.483	373.712.483
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.636.549.143	17.261.182.164
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.111.681.164	2.005.113.596
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.524.867.979	15.256.068.568
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		813.982.080.843	692.859.983.272

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024
Giám đốc

Phạm Thị Ngọc Lan

Lê Thị Minh Thoa

Phùng Văn Tình



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	725.522.906.484	454.142.828.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	18.079.334	270.937.465
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	725.504.827.150	453.871.890.669
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	688.044.146.817	430.744.123.753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		37.460.680.333	23.127.766.916
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.188.966.003	1.143.800.364
7. Chi phí tài chính	22	6.4	80.715.806	54.886.893
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.715.806	54.886.893
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	19.276.620.120	7.679.626.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		22.292.310.410	16.537.053.482
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.726.138.106	5.626.839.531
12. Chi phí khác	32	6.6	1.473.585.274	2.782.011.190
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	2.252.552.832	2.844.828.341
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		24.544.863.242	19.381.881.823
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.019.995.263	4.125.813.255
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		19.524.867.979	15.256.068.568
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.227	1.862

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Lan

Lê Thị Minh Thoa



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		830.552.003.867	647.046.512.954
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(737.319.915.378)	(481.173.994.160)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(57.039.637.958)	(55.911.627.695)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(80.715.806)	(54.886.893)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.125.813.255)	(7.169.214.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.033.408.268	47.244.273.065
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.671.434.749)	(20.433.727.399)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.347.894.989	129.547.335.872
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.032.600.000)	(413.589.710)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		310.000.000	1.275.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.082.802.328)	(3.615.245.757)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.822.104.036	1.028.598.360
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.983.298.292)	(1.725.237.107)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.864.363.085)	(335.556.036)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.125.403.950)	(8.507.435.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.989.767.035)	(8.842.991.736)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		4.374.829.662	118.979.107.029
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		209.028.890.133	90.049.783.104
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60)	70	5.1	213.403.719.795	209.028.890.133

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Ngọc Lan



Lê Thị Minh Thoa



Phùng Văn Tinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 tiền thân là Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75 do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324829 ngày 30/9/2010 với Vốn điều lệ là 10.492.714.912 đồng. Công ty được cổ phần hóa chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 1468/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2013 của Bộ Giao thông Vận tải. Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 13 ngày 28/7/2023.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324829 lần thứ 13 ngày 28/7/2023 với vốn điều lệ là 87.663.340.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi bảy tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Trụ sở chính: Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023: 279 người; trong đó, số lao động tham gia đóng Bảo hiểm bình quân là 262 người (Tại ngày 31/12/2022: Số lao động bình quân là 257 người; trong đó, số lao động tham gia đóng Bảo hiểm bình quân là 247 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất các vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chỉ gồm có: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chỉ gồm có: Thiết kế xây dựng công trình giao thông; tư vấn lập hồ sơ mời thầu (không bao gồm hoạt động thiết kế công trình trong ngành nghề này); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình(Công ty chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chỉ gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sửa chữa thiết bị điện
- Phá dỡ
- Lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh./

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công các công trình cầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có đơn vị phụ thuộc là Xí nghiệp cơ điện - Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75, địa chỉ: Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 2900324829-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/8/2023.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu – chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị xây dựng	08 - 15
Thiết bị văn phòng	05 - 10
Phương tiện vận tải đường bộ	08 - 10
Tài sản khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ, vật tư luân chuyển chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển chờ phân bổ: Nguyên giá và giá trị còn lại của các công cụ, dụng cụ, vật tư luân chuyển này được Công ty theo dõi, các công cụ, vật tư luân chuyển sau khi mua về được giao cho các đội công trình sử dụng, khi các đội sử dụng xong, các công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển được nhập lại kho. Khi cần tái sử dụng, Công ty sẽ tính ra giá trị phân bổ cho các công trình để tái sử dụng. Giá trị tính để phân bổ cho các đội căn cứ trên đơn giá Công ty tự xây dựng, đơn giá này được xác định dựa trên nguyên giá và giá trị còn lại của các công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển đó. Do vậy, chi phí công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển trong năm sẽ không có sự chênh lệch với chi phí thực tế Công ty bỏ ra.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay
- Trích trước Chi phí công trình theo giá trị giao khoán các đội

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp lý được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản giá trị quyết toán công trình cắt giảm theo quyết toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình và diễn ra trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	15.282.052.027	9.874.309.583
Tiền gửi ngân hàng	89.121.667.768	186.154.580.550
Các khoản tương đương tiền	109.000.000.000	13.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	109.000.000.000	13.000.000.000
Tổng	213.403.719.795	209.028.890.133

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng Công ty XDCTGT8-CTCP (Các Cầu: Vĩnh Tuy, Chầm Thị, Nút giao Pháp Vân, VĐ3, PK2, TL80, PK1Ngọc Cầu, DA cao tốc Trung Lương, P1Cần Thơ, La Sơn....)	77.940.056.916	84.758.802.916
Doanh nghiệp Tư nhân Xuân Trường (Cầu Kim Chính, Trại Mễ, Gián khẩu trụ T1)	22.719.379.949	22.719.379.949
Ban QL DA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Trị (Thành Cổ, Sông Hiếu 2)	1.426.726.000	1.426.726.000
Ban QLDA ĐTXD các Công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh (Cầu Sông Hốt, kè đường Trần Quốc Nghiễn, Nút giao Bình Dân, Minh Khai, Cái Lân - Việt Hưng, Cầu Chanh, gói 5 phụ trợ tiểu dự án Tiên Yên, gói 12 Cầu Tiên Yên 1, gói 27 đường bao biển)	35.888.992.194	60.165.424.250
Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh Hà Tĩnh (QL15A Hà Tĩnh)	1.913.846.000	1.913.846.000
Ban QLDA XDCTGT Bắc Ninh (Cầu Bản, đường tỉnh 276, cầu Bò Sơn, cầu Phật tích)	12.699.845.924	9.898.678.826
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP (Cầu Sông Hốt, Đồng Khê, Nam Hồng)	5.981.574.315	6.000.486.824
Ban quản lý xây dựng & bảo trì Hạ tầng giao thông (Cầu Bó Củng)	8.437.961.000	8.437.961.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (nay là Công ty CP Đầu tư xây dựng & Kỹ thuật VNCN E&C) (Cầu Phước Lý, QL 1A)	10.921.859.495	10.921.859.495
Công ty TNHH Phúc Lộc (nay là Công ty CP - TCT Xây dựng và Lắp máy Việt Nam), Công ty CP Tập đoàn Phúc Lộc (Cầu Trà Bồng, Đập Dâng, Cát Tiến)	15.253.722.238	15.769.722.238
Công ty Cổ phần Phúc Lộc (Cầu Bản vượt mương)	4.771.114.612	5.020.810.612
Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Tuyên Quang (Cầu Bạch Xa, cầu Đoàn Hùng cao tốc)	13.779.841.300	-
Các đối tượng khác	75.100.380.803	47.114.621.346
Tổng	286.835.300.746	274.148.319.456
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan trình bày thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>77.940.056.916</i>	<i>84.758.802.916</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 820	735.709.683	735.709.683
Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Thanh Bình Hà Nội	89.650.559.580	81.482.355.215
Công ty TNHH Toàn Mỹ	17.624.425.000	-
Các đối tượng khác	72.630.796.796	13.325.122.903
Tổng	180.641.491.059	95.543.187.801
<i>Trong đó, Trả trước các bên liên quan trình bày thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>2.174.253.552</i>	<i>2.016.866.065</i>

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	13.544.863.667	-	12.188.455.742	-
- Ký cược, ký quỹ	159.321.820	-	159.140.484	-
- Phải thu khác	2.062.189.562	-	1.974.285.277	-
- Tạm ứng	11.323.352.285	-	10.055.029.981	-
Dài hạn	2.777.722.384	-	3.798.099.441	-
- Ký cược, ký quỹ	2.777.722.384	-	3.798.099.441	-
Tổng	16.322.586.051	-	15.986.555.183	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	118.366.855.471	5.692.067.739	115.621.323.480	5.814.800.812

Trong đó chi tiết dự phòng phải thu

	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Cầu Cạn Pháp Vân kéo dài Vành đai 3 giai đoạn 2.				10.793.629.498
Cầu Hồ (Đội 1 Ông Minh)				2.485.944.560
Cầu Kim Chính				7.219.329.793
Cầu Vượt Đường Sắt DAHN-T.Nguyên PK2 -ÔThắng-Tg8				7.927.873.574
GT số 8 - Cầu Vượt Tuyến tránh QL15A Hà Tĩnh				1.913.846.000
Giếng Cát Bắc Thắm Chằm thị				22.380.584.447
Dự án cầu Cần Thơ (BĐH dự án P1)				4.968.005.694
Dự án đường ô tô cao tốc TP HCM-Trung Lương				5.153.038.258
Nút giao pháp vân Cầu giẽ Thanh Trì				8.168.872.049
Cầu Ngọc Cầu - GT PK1 - QL3 mới				2.805.924.543
Cầu Trại Mế đường cao tốc Ninh Bình				10.479.136.901
Cầu Bó Củng Lạng Sơn				7.917.071.500
Cầu Đồng Khê				4.289.332.782
Cầu Hà Lan				1.369.130.619
Cầu Sông Rút				403.449.000
Cầu Lạch Tray				2.200.000.000
Các đối tượng khác				12.199.618.514
Tổng				112.674.787.732

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.388.202.782	-	11.113.738.419	-
Công cụ, dụng cụ	658.147.841	-	4.173.551.332	-
Chi phí SX KDDD	135.942.287.224	-	143.834.600.583	-
Tổng	157.988.637.847	-	159.121.890.334	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	4.803.154.499	8.413.508.505
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.803.154.499	8.413.508.505
Dài hạn	21.278.800.130	1.875.725.840
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.085.829.152	1.751.264.248
Chi phí bảo hiểm công trình cầu Lại Xuân	1.110.460.523	-
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	6.710.455	50.661.592
- Chi phí sửa chữa Nhà ăn, Nhà kho, Lát sân Công ty	6.710.455	50.661.592
Chi phí khác	75.800.000	73.800.000
Tổng	26.081.954.629	10.289.234.345

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2023	3.800.276.840	86.783.394.182	15.670.231.905	69.000.000	913.164.197	107.236.067.124
Tăng trong năm	-	9.876.047.139	-	-	-	9.876.047.139
Mua trong năm	-	9.876.047.139	-	-	-	9.876.047.139
Giảm trong năm	761.418.500	521.567.080	1.147.927.273	-	-	2.430.912.853
Thanh lý, nhượng bán	-	155.000.000	1.147.927.273	-	-	1.302.927.273
Phân loại lại	761.418.500	366.567.080	-	-	-	1.127.985.580
Số dư tại 31/12/2023	3.038.858.340	96.137.874.241	14.522.304.632	69.000.000	913.164.197	114.681.201.410
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2023	3.800.276.840	70.206.060.184	9.544.482.985	69.000.000	891.641.469	84.511.461.478
Tăng trong năm	-	3.625.370.878	1.125.122.089	-	19.431.819	4.769.924.786
Khấu hao trong năm	-	3.625.370.878	1.125.122.089	-	19.431.819	4.769.924.786
Giảm trong năm	761.418.500	521.567.080	1.147.927.273	-	-	2.430.912.853
Thanh lý, nhượng bán	-	155.000.000	1.147.927.273	-	-	1.302.927.273
Phân loại lại	761.418.500	366.567.080	-	-	-	1.127.985.580
Số dư tại 31/12/2023	3.038.858.340	73.309.863.982	9.521.677.801	69.000.000	911.073.288	86.850.473.411
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2023	-	16.577.333.998	6.125.748.920	-	21.522.728	22.724.605.646
Tại 31/12/2023	-	22.828.010.259	5.000.626.831	-	2.090.909	27.830.727.999

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay và bảo lãnh tại ngày 31/12/2023 là 5.704.080.347 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 8.430.042.071 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 54.565.950.998 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 56.906.863.851 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí xây dựng dở dang nhà Văn phòng

Tổng

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
642.872.356	642.872.356	642.872.356	642.872.356
642.872.356	642.872.356	642.872.356	642.872.356

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	196.439.997.409	196.439.997.409	161.075.346.264	161.075.346.264
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD FICO	12.239.475.571	12.239.475.571	6.685.345.343	6.685.345.343
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp 899 (tên cũ: Công ty CP xuất nhập khẩu cienco 8)	5.989.819.297	5.989.819.297	6.505.819.297	6.505.819.297
Công ty TNHH Hoàn Hào	919.181.606	919.181.606	919.181.606	919.181.606
Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ và TM Ngọc Diệp	5.858.000.000	5.858.000.000	5.858.000.000	5.858.000.000
Công ty Cổ phần Nam Tân	1.291.173.930	1.291.173.930	1.291.173.930	1.291.173.930
Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng Thăng Long	83.839.500	83.839.500	83.839.500	83.839.500
Công ty TNHH xây dựng Hoàng Nguyên	1.642.302.000	1.642.302.000	1.842.302.000	1.842.302.000
Công ty TNHH SNG Việt Nam	3.486.605.694	3.486.605.694	4.521.369.424	4.521.369.424
Công ty TNHH Cây xanh Đức Quang	10.151.688.000	10.151.688.000	10.151.688.000	10.151.688.000
Công ty Cổ phần cây xanh công viên Quảng Ninh	31.900.000.000	31.900.000.000	31.900.000.000	31.900.000.000
Các đối tượng khác	122.877.911.811	122.877.911.811	91.316.627.164	91.316.627.164
Tổng	196.439.997.409	196.439.997.409	161.075.346.264	161.075.346.264
<i>Trong đó, Phải trả các bên liên quan trình bày thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>8.184.687.486</i>	<i>8.184.687.486</i>	<i>7.780.452.192</i>	<i>7.780.452.192</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng Công ty XDCTGT8-CTCP (cầu Cúc Phương, Lạch Tray, Cầu Phả Lại, Long Đại, Sông Cầu, Cầu Trâm,...)	23.396.753.048	23.396.753.048
Ban QLDA Đầu tư công trình Giao thông - Xây dựng (Tuyến đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên)	88.182.143.000	143.000.272.000
Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Quảng Ninh (Cầu Tổ hợp và cầu Kênh Đào, Gói 13 cầu Sến - cầu Đen - cầu Tân Yên 1)	100.286.583.000	92.400.000.000
Ban quản lý dự án XDGT Bắc Ninh (Gói 8 Quốc lộ 3 Bắc Ninh, cầu Ngã)	43.606.701.302	42.160.880.000
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang (Cầu Đoan Hùng, Cầu Bạch Xá)	-	22.225.464.000
Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định (Cầu Phước Sơn)	-	15.155.614.000
Ban QLDA 2 (Cầu Đoan Hùng Đa Phúc)	-	3.763.307.591
Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Thái Bình (Cầu Kiến Giang và cầu S1)	-	11.227.535.000
Ban QLDA ĐTXD quận Nam Từ Liêm (Cầu Sông Nhuệ)	744.320.000	9.666.146.000
Ban QLDA ĐTXD các CTGT (Gói XL3 và Gói XL1 Dự án thành phần 1: xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua TP Hồ Chí Minh)	94.134.586.531	-
Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội (Dự án Vành đai 3 - Pháp Vân - Cầu Giẽ)	43.324.674.000	-
Ban QLDA ĐTXD các CTGT Hải phòng (Cầu Lại Xuân)	36.707.453.191	-
Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng (DA Thành phần 4 đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng)	13.998.493.000	-
Các đối tượng khác	171.173.000	330.330.000
Tổng	444.552.880.072	363.326.301.639
<i>Trong đó, Người mua trả tiền trước các bên liên quan trình bày thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>23.396.753.048</i>	<i>23.396.753.048</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu ngân sách Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	5.584.834.290	12.676.095.779	11.513.399.934	6.747.530.135
Thuế giá trị gia tăng	-	5.729.973.064	5.655.423.295	74.549.769
+ Phát sinh của Công ty	-	5.717.551.407	5.655.423.295	62.128.112
+ Phát sinh của Chi nhánh Miền Nam	-	12.421.657	-	12.421.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.125.813.255	5.019.995.263	4.125.813.255	5.019.995.263
Thuế thu nhập cá nhân	90.934.662	1.792.847.458	1.508.790.489	374.991.631
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.863.579	111.863.579	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.368.086.373	17.416.415	107.509.316	1.277.993.472
Phải thu	1.839.216.921	-	-	1.839.216.921
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.839.216.921	-	-	1.839.216.921

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Tân Thuận	3.764.084.361	3.764.084.361
Chi phí thi công các công trình	3.545.848.078	3.545.848.078
Tổng	7.309.932.439	7.309.932.439

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn, dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	13.826.587.192	16.921.407.005
Kinh phí công đoàn, công đoàn phí	2.768.319.896	2.552.957.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.230.399.056	14.368.449.917
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>3.530.778.400</i>	<i>6.778.015.900</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>6.699.620.656</i>	<i>7.590.434.017</i>
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	827.868.240	-
Dài hạn	10.000.000	10.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Tổng	13.836.587.192	16.931.407.005

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và Nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	1.740.428.657	1.740.428.657	1.740.428.657
Vay ngân hàng TMCP MB Bank - CN Trần Duy Hưng	-	-	-	1.740.428.657	1.740.428.657	1.740.428.657
Nợ dài hạn đến hạn trả	92.950.812	92.950.812	92.950.812	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội (1)	92.950.812	92.950.812	92.950.812	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	216.885.240	216.885.240	216.885.240
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội (1)	-	-	-	216.885.240	216.885.240	216.885.240
Tổng	92.950.812	92.950.812	92.950.812	1.957.313.897	1.957.313.897	1.957.313.897

(1) Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 277/2019/HDTD/THN/01 ngày 09/9/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội và bên vay là Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 số tiền vay là 630.000.000 đồng, mục đích vay để vay bù đắp tiền vốn tự có đã dùng để mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry Q, phương thức cho vay từng lần. Thời hạn vay 60 tháng từ ngày 10/9/2019 đến ngày 09/9/2024. Lãi suất cho vay là 8,9%/năm đến ngày 09/9/2020. Lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại thay đổi 3 tháng 1 lần bằng (=) lãi suất cơ sở trung hạn kỳ hạn 3 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,75%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry Q, giá trị tài sản thế chấp là 900.000.000 đồng.

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	78.975.970.000	273.545.000	373.712.483	26.987.677.596	106.610.905.079
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	8.687.370.000	-	-	(8.687.370.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.256.068.568	15.256.068.568
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(15.795.194.000)	(15.795.194.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	87.663.340.000	273.545.000	373.712.483	17.261.182.164	105.571.779.647
Số dư tại 01/01/2023	87.663.340.000	273.545.000	373.712.483	17.261.182.164	105.571.779.647
Lãi trong năm nay	-	-	-	19.524.867.979	19.524.867.979
Chia cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	(13.149.501.000)	(13.149.501.000)
Số dư tại 31/12/2023	87.663.340.000	273.545.000	373.712.483	23.636.549.143	111.947.146.626

(i): Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 289/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2023, cụ thể như sau:

+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 13.149.501.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vốn chủ sở hữu(Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn Nhà nước (Đại diện Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP)	22.002.180.000	22.002.180.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP	14.814.690.000	14.814.690.000
Ông Bùi Trọng Kiên	22.126.230.000	22.126.230.000
Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Hưng	11.267.280.000	11.267.280.000
Ông Đào Ngọc Ký	6.791.990.000	6.791.990.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.660.970.000	10.660.970.000
Tổng	87.663.340.000	87.663.340.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	87.663.340.000	78.975.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	8.687.370.000
Vốn góp tại cuối năm	87.663.340.000	87.663.340.000
Cổ tức đã chia	13.149.501.000	24.482.564.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.766.334	8.766.334
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.766.334	8.766.334
Cổ phiếu phổ thông	8.766.334	8.766.334
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.766.334	8.766.334
Cổ phiếu phổ thông	8.766.334	8.766.334
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu xây dựng	725.522.906.484	454.142.828.134
Tổng	725.522.906.484	454.142.828.134
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	18.079.334	270.937.465
Tổng	18.079.334	270.937.465
Doanh thu thuần		
Doanh thu xây dựng	725.504.827.150	453.871.890.669
Doanh thu thuần	725.504.827.150	453.871.890.669
<i>Trong đó, Doanh thu các bên liên quan trình bày thuyết minh</i>	-	7.129.440.820
<i>7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>		

6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn xây dựng	688.044.146.817	430.744.123.753
Tổng	688.044.146.817	430.744.123.753
<i>Trong đó, Giá vốn các bên liên quan trình bày thuyết minh</i>		
<i>7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	875.773.420	520.000.000

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.188.966.003	1.143.800.364
Tổng	4.188.966.003	1.143.800.364
<i>Trong đó, doanh thu tài chính các bên liên quan trình bày thuyết minh</i>		
<i>7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	789.421	19.751.263

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	80.715.806	54.886.893
Tổng	80.715.806	54.886.893

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.276.620.120	7.679.626.905
Chi phí nhân viên quản lý	10.481.798.813	10.325.770.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	175.224.020	775.529.628
Chi phí khấu hao TSCĐ	424.170.545	729.903.000
Thuế phí và lệ phí	114.914.229	138.438.458
Chi phí dự phòng	2.868.265.064	(9.490.892.903)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.117.735.792	93.110.846
Chi phí bằng tiền khác	4.094.511.657	5.107.767.646
Tổng	19.276.620.120	7.679.626.905
<i>Trong đó, Chi phí quản lý các bên liên quan trình bày thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>992.511.831</i>	<i>819.867.351</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	3.116.515.455	3.235.675.454
Thu cho thuê máy, nhân công, cho thuê văn phòng	511.297.177	618.597.818
Thu nhập bán bê tông, VT phụ, VT chính, VC	58.963.656	1.077.837.034
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	1.080.000	81.647.461
Phân bổ chi phí ban điều hành cầu Bính	-	381.192.164
Thu nhập khác	38.281.818	231.889.600
Tổng	3.726.138.106	5.626.839.531
Chi phí khác		
Chi phí và giá trị còn lại thanh lý	679.206.434	242.568.516
Chi phí thuê, sửa chữa văn phòng	179.057.334	352.245.786
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	29.838.072	717.219.451
Chi phí bán bê tông, VT phụ, VT chính, VC	21.926.616	218.813.380
Chi phí khấu hao xe ô tô con 7 chỗ ngồi Toyota Land Cruiser BKS - 30F-889.15 (phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ)	297.965.000	297.965.000
Chi tiền bồi thường	9.310.000	108.117.293
Phân bổ chi phí ban điều hành Cầu Bính	-	381.192.164
Thù lao HĐQT, BKS của TV không trực tiếp tham gia điều hành	218.000.000	232.000.000
Chi phí khác	38.281.818	231.889.600
Tổng	1.473.585.274	2.782.011.190
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.252.552.832	2.844.828.341
<i>Trong đó, Thu nhập khác các bên liên quan trình bày thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>143.282.855</i>	<i>322.804.145</i>
<i>Trong đó, Chi phí khác các bên liên quan trình bày thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>164.239.090</i>	<i>328.478.180</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.544.863.242	19.381.881.823
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế:	555.113.072	1.247.184.451
- Chi phí không được trừ (Tiền phạt hành chính và chậm nộp thuế)	26.803.160	717.219.451
- Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành	218.000.000	232.000.000
- Chi phí không được trừ (Phạt chậm nộp thuế TNCN năm 2022)	3.034.912	-
- Chi phí khấu hao Xe ô tô phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ	297.965.000	297.965.000
- Chi phí không được trừ (Tiền bồi thường)	9.310.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập tính thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	25.099.976.314	20.629.066.274
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.019.995.263	4.125.813.255

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	19.524.867.979	15.256.068.568
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.524.867.979	15.256.068.568
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	8.766.334	8.194.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.227	1.862

Lãi trên cổ phiếu năm 2023 chưa bao gồm các thay đổi của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2023 (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	374.741.763.716	216.799.329.110
Chi phí nhân công	69.370.852.612	65.791.574.492
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.769.924.786	4.776.067.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.221.873.257	196.368.844.311
Chi phí khác bằng tiền	4.384.649.906	5.246.206.104
Chi phí dự phòng, bảo hành	2.868.265.064	(9.490.892.903)
Tổng	700.357.329.341	479.491.129.060

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	3.638.597.803	3.154.798.159

Giao dịch các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		143.282.855	7.452.244.965
Công ty Cổ phần Xây dựng và lắp máy 816	Cho thuê trụ sở	106.245.818	284.910.545
Xí nghiệp cơ điện Cienco 8 - chi nhánh TCT XDCT Giao thông 8 - CTCP	Vận chuyển trả phao về kho Ninh Phúc	37.037.037	-
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thi công Cầu Km43+122, Km38+548, 89 La Sơn Tuyền Loan Ô.úy Đ4	-	7.129.440.820
Xí nghiệp cơ điện Cienco8 - CN Tổng công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Gia công khớp nối phao	-	37.893.600
Mua hàng hóa và dịch vụ		2.032.524.341	1.668.345.531
Công ty CP XDCT Giao thông 810	Điện nước	27.480.012	19.074.622
Công ty CP XDCT Giao thông 810	Thuê văn phòng nhà N1	965.031.819	800.792.729
Công ty CP XDCT Giao thông 810	Thuê văn phòng nhà N2	164.239.090	328.478.180
Xí nghiệp cơ điện Cienco 8 - chi nhánh TCT XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thuê hệ nối ghép phao DA đường vành đai phía nam TP Thái Bình	875.773.420	520.000.000
Cho vay và lãi vay		1.094.149.749	634.997.020
Công ty CP XDCT Giao thông 810	Cho vay	1.093.360.328	615.245.757
Công ty CP XDCT Giao thông 810	Lãi cho vay	789.421	19.751.263

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch các bên liên quan khác (Tiếp theo)**

Số dư các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		77.940.056.916	84.758.802.916
BDH DAXD Đường cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình, Gói thầu số 4	Thi công xây dựng	22.380.584.447	22.380.584.447
Nút giao thông tỉnh lộ 80 Đường Láng Hòa Lạc	Thi công xây dựng	661.099.006	661.099.006
Cầu Văn Lâm BDH Cầu Giẽ - Ninh Bình	Thi công xây dựng	724.921.286	724.921.286
Cầu Cạn Pháp Vân kéo dài - Vành đai 3 GD2	Thi công xây dựng	10.793.629.498	10.793.629.498
BDH DA đường Hồ Chí Minh (Cầu Khe Nắm, cầu Km66, cầu Đá Cỏ)	Thi công xây dựng	945.628.551	945.628.551
Cầu Vượt Đường Sắt DA Hà Nội - Thái Nguyên PK2	Thi công xây dựng	7.927.873.574	7.927.873.574
Cầu Ngọc Cầu PK1	Thi công xây dựng	2.805.924.543	2.805.924.543
Nút giao Pháp Vân Cầu Giẽ Thanh Trì	Thi công xây dựng	8.168.872.049	8.168.872.049
Cầu vượt số 7 Km26+740 PK1C Yên Phong Sóc Sơn	Thi công xây dựng	164.948.600	164.948.600
Cầu Vĩnh Tuy	Thi công xây dựng	1.264.620.067	1.264.620.067
Cầu Km38+548,89, Km43+122 La Sơn Túy Loan	Thi công xây dựng	6.576.170.691	13.352.997.905
Cầu Giá	Thi công xây dựng	703.091.650	703.091.650
Cầu Hồ	Thi công xây dựng	2.485.944.560	2.485.944.560
BDH các DA Phía Nam (Xuyên Á)	Thi công xây dựng	386.106.855	386.106.855
Công ty CP Xây dựng giao thông Việt Lào	Thi công xây dựng	267.768.450	267.768.450
Ban điều hành DA P1 - Cầu Cần Thơ	Thi công xây dựng	4.968.005.694	4.968.005.694
Dự án đường cao tốc HCM-Trung Lương	Thi công xây dựng	5.153.038.258	5.153.038.258
Cầu Cốc Pài Hà Giang	Thi công xây dựng	354.750.000	354.750.000
Công ty CP Xây dựng giao thông 892 (Cầu Hạ Lưu - Nước Trong Quảng Ngãi)	Thi công xây dựng	319.491.000	319.491.000
Cầu Sông Rút	Thi công xây dựng	-	41.918.786
Cầu An Sương - An Lạc	Thi công xây dựng	484.139.137	484.139.137
Công ty CP XD và lắp máy 816	Thi công xây dựng	403.449.000	403.449.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch các bên liên quan khác (Tiếp theo)**

Số dư các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu cho vay		76.166.413	225.004.085
Công ty CP XDCT Giao thông 810	Cho vay	76.166.413	225.004.085
Phải trả người bán		8.184.687.486	7.780.452.192
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình giao thông 829	Thi công xây dựng	213.983.651	213.983.651
Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông 838	Thi công xây dựng	539.974.332	539.974.332
Xí nghiệp cơ điện Cienco 8 - chi nhánh TCT XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thuê hệ nối ghép phao DA đường vành đai phía nam TP Thái Bình	1.440.910.206	520.674.912
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp 899 (tên cũ: Công ty CP xuất nhập khẩu cienco 8)	Thi công xây dựng	5.989.819.297	6.505.819.297
Người mua ứng tiền trước		23.396.753.048	23.396.753.048
Cầu dẫn Phả Lại Bắc Ninh Hải Dương	Thi công xây dựng	9.918.889.500	9.918.889.500
Ban điều hành dự án đường HCM - Cầu Cúc Phương	Thi công xây dựng	1.608.659.362	1.608.659.362
Ban điều hành dự án đường HCM - Cầu Long Đại	Thi công xây dựng	270.279.654	270.279.654
BĐH Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP - Cầu Lạch Tray	Thi công xây dựng	128.365.756	128.365.756
BĐH Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP - Cầu Trâm	Thi công xây dựng	775.212.256	775.212.256
Tổng công ty XDCTGT 8 - CTCP - Cầu Sông Cầu	Thi công xây dựng	10.695.346.520	10.695.346.520
Trả trước cho người bán		2.174.253.552	2.016.866.065
Công ty Cổ phần xây dựng công trình 820	Thi công xây dựng	735.709.683	735.709.683
Công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông 842	Thi công xây dựng	52.759.840	52.759.840
Tổng công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Chi phí thuê trạm trộn, mua VK đầm super T	60.348.912	11.370.912
Công ty Cổ phần XDCT Giao thông 810	Chi phí tiền điện, lãi cho vay	336.020.517	344.481.430
Công ty CP TCT địa ốc Cienco 8	Tư vấn BDS	60.000.000	60.000.000
Công ty CP XD và lắp máy 816	Cho thuê trụ sở	560.374.400	443.504.000
Công ty cổ phần xây dựng và lắp máy 819	Cho thuê trụ sở	199.188.000	199.188.000
Công ty Cổ phần TCT liên doanh XDCT 18	Cho thuê trụ sở	169.852.200	169.852.200
Phải trả nội bộ		24.016.795.225	24.016.795.225
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thi công xây dựng	24.016.795.225	24.016.795.225

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Người lập

Phạm Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Thoa

Giám đốc



Phùng Văn Tình

